BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: H2.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	01					HP
2	000002	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	01					
3	000003	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	01					
4	000004	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	01					
5	000005	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	01					HP
6	000006	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	01					
7	000007	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	01					
8	000008	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	01					
9	000009	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	01					
10	000010	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	01					
11	000011	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	01					
12	000012	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	01					
13	000013	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	01					
14	000014	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	01					
15	000015	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	01					
16	000016	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	01					
17	000017	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	01					
18	000018	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	01					
19	000019	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	01					
20	000020	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	01					HP
21	000021	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	01					
22	000022	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	01					HP
23	000023	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	01					
24	000024	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	01					
25	000025	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	01					
26	000026	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	01					HP
27	000027	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	01					
28	000028	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	01					HP
29	000029	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	01					HP
30	000030	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	01					
31	000031	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	01					
32	000032	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	01					
33	000033	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 2
Giảng đường: H2.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	01					
2	000035	1001010873	Nguyễn Thu	Thuỷ	15/12/2004	TC10A	01					HP
3	000036	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	01					
4	000037	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	01					
5	000038	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	01					
6	000039	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	01					
7	000040	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	01					HP,ĐK
8	000041	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	01					
9	000042	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	02					HP,ĐK
10	000043	0901030430	Hoàng Đình	Hào	07/05/2003	QT9B	02					
11	000044	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	02					
12	000045	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	02					
13	000046	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	02					
14	000047	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	02					
15	000048	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	02					
16	000049	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	02					
17	000050	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	02					
18	000051	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	02					
19	000052	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	02					
20	000053	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	02					
21	000054	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	02					HP
22	000055	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	02					
23	000056	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	02					
24	000057	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	02					
25	000058	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	02					
26	000059	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	02					
27	000060	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	02					
28	000061	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	02					
29	000062	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	02					
30	000063	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	02					
31	000064	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	02					
32	000065	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	02					
33	000066	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 3
Giảng đường: H2.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000067	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	02					HP
2	000068	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	02					
3	000069	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	02					
4	000070	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	02					HP
5	000071	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	02					
6	000072	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	02					
7	000073	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	02					
8	000074	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	02					
9	000075	1001010855	Vũ Ngọc	Sơn	24/07/2004	TC10B	02					
10	000076	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	02					
11	000077	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	02					
12	000078	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	02					
13	000079	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	02					
14	000080	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	02					
15	000081	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	02					
16	000082	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	02					
17	000083	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	02					
18	000084	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	02					
19	000085	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	02					
20	000086	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	03					
21	000087	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	03					
22	000088	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	03					
23	000089	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	03					HP
24	000090	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	03					
25	000091	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	03					HP
26	000092	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	03					
27	000093	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	03					
28	000094	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	NH10A	03					
29	000095	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/04/2004	NH10A	03					
30	000096	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	03					
31	000097	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	03					
32	000098	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	03					
33	000099	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..
Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 4
Giảng đường: H2.5_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000100	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	03					
2	000101	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	03					
3	000102	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/07/2004	NH10A	03					
4	000103	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	03					
5	000104	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	03					
6	000105	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	03					
7	000106	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	03					
8	000107	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	03					
9	000108	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	03					HP
10	000109	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	03					
11	000110	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	03					
12	000111	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	03					
13	000112	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	03					
14	000113	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	03					
15	000114	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	03					
16	000115	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	03					
17	000116	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/11/2003	NH10A	03					
18	000117	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	03					
19	000118	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	NH10A	03					
20	000119	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	03					
21	000120	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	NH10A	03					
22	000121	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	02/09/2004	NH10A	03					
23	000122	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	03					
24	000123	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	03					
25	000124	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	03					
26	000125	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	03					HP
27	000126	1001010297	Lê Long	Thuỷ	15/10/2000	NH10A	03					
28	000127	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	NH10A	03					
29	000128	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	03					
30	000129	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	NH10A	03					
31	000130	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	03					
32	000131	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	NH10A	03					
33	000132	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	NH10A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 5
Giảng đường: H3.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000133	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	03					
2	000134	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	03					
3	000135	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	03					
4	000136	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	03					
5	000137	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	04					HP
6	000138	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	04					
7	000139	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	04					
8	000140	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	04					
9	000141	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	04					
10	000142	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	04					
11	000143	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	04					
12	000144	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	04					
13	000145	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	04					HP
14	000146	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	04					
15	000147	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	04					
16	000148	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	04					
17	000149	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	04					
18	000150	1001030501	Vi Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	04					
19	000151	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	04					
20	000152	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	04					HP
21	000153	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	04					HP
22	000154	1001030526	Đoàn Vân	Dung	04/09/2004	QT10A	04					
23	000155	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	04					
24	000156	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	04					HP
25	000157	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	04					
26	000158	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	04					
27	000159	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	04					
28	000160	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	04					
29	000161	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	04					
30	000162	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	04					
31	000163	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	04					
32	000164	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	04					
33	000165	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	04					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..
Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 6
Giảng đường: H3.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000166	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	04					
2	000167	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	04					
3	000168	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	04					
4	000169	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	04					
5	000170	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	04					
6	000171	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	04					
7	000172	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	04					HP
8	000173	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	04					
9	000174	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	04					
10	000175	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	04					HP
11	000176	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	04					HP
12	000177	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	04					
13	000178	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	04					
14	000179	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	04					HP
15	000180	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	04					
16	000181	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	04					
17	000182	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	04					
18	000183	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	04					
19	000184	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	04					
20	000185	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	04					
21	000186	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	04					
22	000187	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	04					HP
23	000188	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	04					
24	000189	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	04					
25	000190	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	04					
26	000191	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	04					
27	000192	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	04					
28	000193	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	04					
29	000194	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	04					HP,ĐK
30	000195	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	05					
31	000196	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	05					
32	000197	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	05					
33	000198	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	05					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 7
Giảng đường: H3.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000199	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	05					
2	000200	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	05					
3	000201	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	05					
4	000202	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	05					ĐK
5	000203	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	05					
6	000204	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	05					
7	000205	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	05					
8	000206	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	05					
9	000207	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	05					
10	000208	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	05					HP
11	000209	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	05					
12	000210	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	05					
13	000211	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	05					
14	000212	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	05					
15	000213	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	05					
16	000214	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	05					
17	000215	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	05					
18	000216	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	05					HP
19	000217	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	05					
20	000218	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	05					
21	000219	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	05					
22	000220	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	05					
23	000221	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	05					
24	000222	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	05					
25	000223	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	05					
26	000224	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	05					
27	000225	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	05					
28	000226	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	05					
29	000227	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	05					HP
30	000228	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	05					
31	000229	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	05					
32	000230	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	05					
33	000231	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	05					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

Tổng số biên bản:……

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 8
Giảng đường: H3.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000232	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	05					HP
2	000233	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	05					HP
3	000234	1001030681	Nguyễn Hữu	Sơn	08/12/2004	QT10B	05					
4	000235	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	05					
5	000236	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	05					
6	000237	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	05					
7	000238	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	05					
8	000239	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	05					
9	000240	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	05					
10	000241	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	05					
11	000242	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	05					
12	000243	1001030729	Chử Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	05					
13	000244	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	05					
14	000245	1001031178	Đỗ Thị Thảo	Anh	08/06/2004	QM10A	06					
15	000246	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	06					
16	000247	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	06					
17	000248	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	06					HP
18	000249	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	06					
19	000250	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	06					
20	000251	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	06					
21	000252	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	06					
22	000253	1001031218	Ma Thị	Hằng	24/05/2004	QM10A	06					
23	000254	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	06					
24	000255	1001030554	Phạm Thúy	Hiền	11/04/2004	QM10A	06					
25	000256	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	06					
26	000257	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	06					
27	000258	1001030574	Phạm Đắc Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	06					
28	000259	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	06					
29	000260	1001031248	Nguyễn Hữu	Khang	19/09/2004	QM10A	06					
30	000261	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	06					HP
31	000262	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	06					
32	000263	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	06					HP
33	000264	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	06					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 9
Giảng đường: H4.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000265	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	QM10A	06					
2	000266	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyện	10/09/2003	QM10A	06					
3	000267	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	06					
4	000268	1001030662	Đỗ Hoàng	Phúc	11/10/2004	QM10A	06					
5	000269	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	06					
6	000270	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	06					
7	000271	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A	06					
8	000272	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	06					
9	000273	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	06					
10	000274	1001030691	Vương Thị Mai	Thanh	15/02/2004	QM10A	06					
11	000275	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	06					
12	000276	1001030696	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20/09/2004	QM10A	06					
13	000277	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	QM10A	06					
14	000278	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	06					
15	000279	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	06					
16	000280	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	06					
17	000281	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	06					
18	000282	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	06					
19	000283	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	06					
20	000284	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	06					
21	000285	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	06					
22	000286	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	06					
23	000287	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	06					
24	000288	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	06					HP
25	000289	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	QM10B	07					
26	000290	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	07					
27	000291	1001030482	Nguyễn Thị Hải	Anh	06/09/2004	QM10B	07					
28	000292	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	07					HP
29	000293	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	07					
30	000294	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	07					
31	000295	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	07					HP
32	000296	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	07					
33	000297	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	07					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 10
Giảng đường: H4.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000298	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	07					
2	000299	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	07					
3	000300	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	07					
4	000301	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	07					
5	000302	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	07					HP
6	000303	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	07					HP
7	000304	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	07					
8	000305	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	07					HP
9	000306	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	07					
10	000307	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	07					
11	000308	1001030598	Dương Thị Thuỳ	Linh	06/01/2004	QM10B	07					
12	000309	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	07					
13	000310	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	07					
14	000311	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	07					HP
15	000312	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	07					
16	000313	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	07					
17	000314	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	07					
18	000315	1001030644	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/11/2004	QM10B	07					
19	000316	1001030652	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/2004	QM10B	07					
20	000317	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	07					HP
21	000318	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	07					
22	000319	1001030674	Nguyễn Văn	Quý	09/11/2000	QM10B	07					
23	000320	1001030686	Lê Thị	Tâm	11/04/2004	QM10B	07					
24	000321	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	07					
25	000322	1001030693	Nguyễn Thị	Thành	24/02/2004	QM10B	07					
26	000323	1001031307	Đặng Duy	Thế	10/09/2004	QM10B	07					
27	000324	1001030703	Thân Thị Hoàng	Thu	10/08/2004	QM10B	07					
28	000325	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	07					
29	000326	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	07					
30	000327	1001031326	Nguyễn Thị Tố	Uyên	26/11/2004	QM10B	07					
31	000328	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	07					
32	000329	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	07					
33	000330	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	07					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 11
Giảng đường: A5_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000331	1001020024	Dương Phương	Anh	08/10/2004	KD10A	08					
2	000332	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	08					
3	000333	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	08					
4	000334	0810210183	Nguyễn Thị Huệ	Anh	09/07/2002	KD10A	08					
5	000335	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	08					HP
6	000336	1001020004	Nguyễn Tuấn	Anh	22/05/2000	KD10A	08					
7	000337	1001021513	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/12/2004	KD10A	08					
8	000338	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	08					
9	000339	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	08					
10	000340	1001020077	Nguyễn Thanh	Chúc	02/08/2004	KD10A	08					
11	000341	1001021402	Vũ Phương	Đông	10/01/2004	KD10A	08					
12	000342	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	08					HP
13	000343	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	08					HP
14	000344	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	08					
15	000345	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	08					
16	000346	1001020969	Hoàng Thu	Hiền	22/12/2004	KD10A	08					
17	000347	1001020970	Trịnh Thị Ngọc	Hiền	24/11/2004	KD10A	08					
18	000348	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	08					HP
19	000349	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	08					
20	000350	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	08					
21	000351	1001020140	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	08					
22	000352	1001020149	Lê Phương Khánh	Huyền	09/07/2004	KD10A	08					HP
23	000353	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	08					HP
24	000354	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	08					
25	000355	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	08					
26	000356	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	08					
27	000357	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	08					
28	000358	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	08					
29	000359	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	08					
30	000360	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	08					
31	000361	1001021409	Vũ Thị Phương	Mai	25/08/2003	KD10A	08					HP
32	000362	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	08					
33	000363	1001020213	Trần Thị	Ngân	09/11/2004	KD10A	08					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 12
Giảng đường: A6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000364	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	08					
2	000365	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	08					
3	000366	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	08					
4	000367	1001021038	Hà Thị	Nhung	04/02/2004	KD10A	08					
5	000368	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	08					
6	000369	1001020264	Phạm Như	Quỳnh	23/10/2004	KD10A	08					
7	000370	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	08					
8	000371	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	08					
9	000372	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	08					
10	000373	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	08					
11	000374	1001021064	Trịnh Anh	Thơ	29/08/2004	KD10A	08					
12	000375	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	KD10A	08					
13	000376	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	08					HP
14	000377	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	08					
15	000378	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	08					
16	000379	1001021580	Phạm Thị	Trinh	06/12/2004	KD10A	08					HP
17	000380	1001020329	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23/04/2004	KD10A	08					
18	000381	1001020331	Ngô Thị Thùy	Vân	22/01/2004	KD10A	08					
19	000382	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	08					
20	000383	1001021089	Ngô Hải	Yến	24/10/2004	KD10A	08					
21	000384	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	08					
22	000385	1001020018	Đặng Tú	Anh	21/03/2004	KD10B	09					
23	000386	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	09					
24	000387	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	09					HP
25	000388	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	09					
26	000389	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	09					HP
27	000390	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	09					
28	000391	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD10B	09					ĐK
29	000392	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	09					
30	000393	1001020084	Đỗ Thị Thùy	Dung	28/03/2004	KD10B	09					
31	000394	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	09					
32	000395	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	09					HP
33	000396	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	09					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 13
Giảng đường: A7_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000397	1001020122	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	KD10B	09					
2	000398	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	09					
3	000399	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	09					
4	000400	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B	09					
5	000401	1001020983	Trần Vũ Lan	Hương	25/01/2004	KD10B	09					
6	000402	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	09					
7	000403	1001021416	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	KD10B	09					
8	000404	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	09					
9	000405	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	09					HP
10	000406	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	09					
11	000407	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	09					
12	000408	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xuân	Mai	21/12/2004	KD10B	09					
13	000409	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	09					HP
14	000410	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	09					
15	000411	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	09					
16	000412	1001020232	Nguyễn Tuyết	Nhi	28/09/2004	KD10B	09					
17	000413	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	09					
18	000414	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	09					
19	000415	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	09					
20	000416	1001020259	Chu Thị	Quyên	17/08/2004	KD10B	09					
21	000417	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	09					
22	000418	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	09					
23	000419	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	09					
24	000420	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	09					
25	000421	1001021427	Nguyễn Thị	Thảo	30/05/2004	KD10B	09					
26	000422	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	09					
27	000423	1001020301	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/06/2004	KD10B	09					
28	000424	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trân	17/12/2004	KD10B	09					
29	000425	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	09					
30	000426	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	09					HP
31	000427	1001021080	Lê Thanh	Trúc	07/05/2004	KD10B	09					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 14
Giảng đường: A8_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000428	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	09					HP
2	000429	0810210844	Bế Thu	Uyên	22/07/2002	KD10B	09					
3	000430	1001020330	Trịnh Thu	Uyên	01/01/2004	KD10B	09					
4	000431	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	KD10B	09					
5	000432	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	09					
6	000433	0901030207	Ngô Minh	Hiển	30/05/2003	KD9D	09					HP
7	000434	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	09					HP
8	000435	1001020019	Đinh Thị Lan	Anh	08/04/2004	KD10C	10					
9	000436	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	10					
10	000437	1001020034	Ngô Ngọc	Anh	05/12/2004	KD10C	10					HP
11	000438	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	10					HP
12	000439	1001021425	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	KD10C	10					
13	000440	1001020934	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/02/2004	KD10C	10					
14	000441	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	10					
15	000442	1001020062	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	KD10C	10					
16	000443	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	10					
17	000444	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	10					
18	000445	1001020085	Lê Thị Thùy	Dung	05/12/2004	KD10C	10					
19	000446	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	10					
20	000447	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	10					
21	000448	1001020112	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	KD10C	10					
22	000449	1001020968	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	KD10C	10					
23	000450	1001020123	Nguyễn Minh	Hiển	27/11/2004	KD10C	10					
24	000451	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	10					
25	000452	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	KD10C	10					
26	000453	1001020442	Nguyễn Thị Minh	Huyền	02/12/2004	KD10C	10					
27	000454	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	10					
28	000455	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	10					HP
29	000456	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	10					
30	000457	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	10					
31	000458	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	10					HP

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 15
Giảng đường: A11_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000459	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	10					
2	000460	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	10					
3	000461	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	10					
4	000462	1001021406	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	KD10C	10					
5	000463	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	10					HP
6	000464	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	KD10C	10					
7	000465	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	10					
8	000466	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quyên	18/12/2004	KD10C	10					
9	000467	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	10					
10	000468	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	10					ĐK
11	000469	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	10					HP
12	000470	1001021413	Nguyễn Phương	Thảo	16/06/2004	KD10C	10					
13	000471	1001021058	Nguyễn Phương	Thảo	17/08/2004	KD10C	10					
14	000472	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	10					
15	000473	1001020286	Phùng Lê Phương	Thảo	17/09/2004	KD10C	10					
16	000474	1001020371	Nguyễn Thị Ngọc	Thơm	01/07/2004	KD10C	10					
17	000475	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	10					
18	000476	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	10					
19	000477	1001020310	Lê Thị Thùy	Trang	08/03/2004	KD10C	10					
20	000478	1001021575	Luận Thị	Trang	18/08/2004	KD10C	10					
21	000479	1001021590	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	KD10C	10					
22	000480	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	10					HP
23	000481	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	10					HP
24	000482	1001020328	Lê Ngọc Tài	Tuyển	05/02/2004	KD10C	10					
25	000483	1001020339	Nguyễn Thị	Xuân	13/07/2004	KD10C	10					
26	000484	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	10					ĐK
27	000485	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	11					
28	000486	1001020020	Đỗ Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	11					
29	000487	1001020026	Hoàng Thị Phương	Anh	03/02/2004	KD10D	11					
30	000488	1001020035	Nguyễn Châu	Anh	11/12/2004	KD10D	11					
31	000489	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	11					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 16
Giảng đường: A12_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000490	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	11					HP,ĐK
2	000491	1001021133	Trần Thị Kiều	Anh	05/08/2004	KD10D	11					
3	000492	1001020056	Vũ Nguyễn Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	11					
4	000493	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	11					
5	000494	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	11					
6	000495	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD10D	11					
7	000496	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	11					
8	000497	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	11					
9	000498	1001021519	Nguyễn Thị Thu	Giang	18/09/2004	KD10D	11					
10	000499	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	11					
11	000500	1001020964	Lê Thị Thu	Hằng	04/01/2004	KD10D	11					
12	000501	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	11					HP
13	000502	1001020137	Đinh Lê Quốc	Hưng	03/06/2004	KD10D	11					
14	000503	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	KD10D	11					
15	000504	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	11					
16	000505	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	11					HP
17	000506	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	11					
18	000507	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	11					HP
19	000508	1001020155	Lê Thị Vân	Kiều	06/08/2004	KD10D	11					
20	000509	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	11					
21	000510	1001020169	Lê Thị Thùy	Linh	26/12/2004	KD10D	11					
22	000511	1001020176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/2004	KD10D	11					
23	000512	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	11					
24	000513	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	11					HP
25	000514	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	11					
26	000515	1001020195	Tạ Ngọc	Mai	14/08/2004	KD10D	11					
27	000516	1001020199	Nguyễn Chiều	Minh	08/07/2004	KD10D	11					HP,ĐK
28	000517	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	11					HP
29	000518	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	11					
30	000519	1001021614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/12/2004	KD10D	11					
31	000520	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	11					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 17
Giảng đường: A13_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000521	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	11					HP
2	000522	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	11					
3	000523	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	KD10D	11					
4	000524	1001021122	Ngô Thị Kim	Oanh	13/05/2004	KD10D	11					
5	000525	1001020248	Đinh Thị Quỳnh	Phương	25/10/2003	KD10D	11					
6	000526	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	11					
7	000527	1001020260	Nguyễn Thị	Quyên	02/11/2004	KD10D	11					
8	000528	1001020269	Vũ Hồng	Thái	11/07/2004	KD10D	11					
9	000529	1001020278	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2004	KD10D	11					
10	000530	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	11					
11	000531	1001020290	Phạm Thị	Thơm	19/02/2004	KD10D	11					
12	000532	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	11					
13	000533	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	11					
14	000534	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	11					
15	000535	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	11					HP
16	000536	1001020334	Đặng Ngọc	Vinh	22/08/2004	KD10D	11					
17	000537	1001021086	Nguyễn Thị	Xuân	23/06/2004	KD10D	11					
18	000538	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	11					HP,ĐK
19	000539	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	11					HP
20	000540	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	11					
21	000541	1001020021	Đỗ Phương	Anh	04/11/2004	KD10E	12					
22	000542	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	12					
23	000543	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	12					
24	000544	1001020042	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/09/2004	KD10E	12					
25	000545	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	12					
26	000546	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	12					
27	000547	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	12					HP
28	000548	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	12					
29	000549	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	12					
30	000550	1001020088	Tạ Thùy	Dung	02/03/2004	KD10E	12					HP
31	000551	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	12					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 18
Giảng đường: A14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000552	1001020113	Dương Thanh	Hằng	04/02/2004	KD10E	12					
2	000553	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	12					
3	000554	1001020117	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/02/2004	KD10E	12					
4	000555	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	12					HP
5	000556	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	12					
6	000557	1001020139	Đường Thị	Hương	08/02/2004	KD10E	12					
7	000558	1001020151	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2004	KD10E	12					
8	000559	1001020156	Vũ Thị	Lam	05/10/2004	KD10E	12					
9	000560	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E	12					
10	000561	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	12					HP
11	000562	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	12					HP
12	000563	1001021421	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/02/2004	KD10E	12					
13	000564	1001021549	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/2004	KD10E	12					HP
14	000565	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	12					HP
15	000566	1001020189	Lê Ngọc	Mai	29/06/2004	KD10E	12					
16	000567	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	12					
17	000568	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	12					
18	000569	1001020217	Lê Yến	Ngọc	17/12/2004	KD10E	12					
19	000570	1001020223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/12/2004	KD10E	12					
20	000571	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	12					
21	000572	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	KD10E	12					
22	000573	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	12					
23	000574	1001021560	Nguyễn Thủy	Phương	07/08/2004	KD10E	12					
24	000575	1001020253	Phạm Thị Thu	Phương	28/02/2004	KD10E	12					
25	000576	1001021418	Nguyễn Hồng	Sơn	15/11/2004	KD10E	12					
26	000577	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	12					
27	000578	1001020282	Nguyễn Thanh	Thảo	28/08/2004	KD10E	12					
28	000579	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	12					
29	000580	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E	12					
30	000581	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	12					HP,ĐK
31	000582	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	12					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 19
Giảng đường: A17_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000583	1001020312	Lưu Thị Thùy	Trang	03/08/2004	KD10E	12					
2	000584	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	12					
3	000585	1001020321	Phan Minh	Trang	31/10/2004	KD10E	12					
4	000586	1001021320	Trần Đặng Kiều	Trang	08/07/2004	KD10E	12					
5	000587	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	12					
6	000588	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E	12					
7	000589	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	12					
8	000590	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	12					
9	000591	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	12					HP
10	000592	1001020340	Trần Thị Hương	Xuân	09/08/2004	KD10E	12					
11	000593	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	12					
12	000594	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	13					HP,ĐK
13	000595	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	13					
14	000596	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	13					HP
15	000597	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	13					
16	000598	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	13					
17	000599	1001020058	Chu Thị	Ánh	26/09/2004	KD10G	13					HP
18	000600	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	13					
19	000601	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	13					
20	000602	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	13					
21	000603	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	KD10G	13					
22	000604	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	13					
23	000605	1001020091	Phạm Quang	Dũng	25/11/2004	KD10G	13					
24	000606	1001020955	Đặng Thùy	Dương	21/04/2004	KD10G	13					
25	000607	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G	13					HP
26	000608	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	13					
27	000609	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	13					
28	000610	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	13					
29	000611	1001020975	Đỗ Thị	Huệ	17/04/2004	KD10G	13					
30	000612	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	KD10G	13					
31	000613	1001020147	Đỗ Thị Thúy	Huyền	03/04/2004	KD10G	13					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 20
Giảng đường: A20_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000614	1001020152	Phùng Khánh	Huyền	11/01/2004	KD10G	13					
2	000615	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	13					
3	000616	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G	13					
4	000617	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	13					
5	000618	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G	13					
6	000619	1001021013	Lại Thị Thảo	Ly	19/09/2004	KD10G	13					HP
7	000620	1001020196	Trần Thị Ngọc	Mai	12/09/2004	KD10G	13					
8	000621	1001021020	Nguyễn Văn	Minh	26/01/2004	KD10G	13					
9	000622	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	13					
10	000623	1001020209	Đào Thị Quỳnh	Nga	01/01/2004	KD10G	13					
11	000624	1001020219	Nguyễn Kim	Ngọc	13/09/2004	KD10G	13					
12	000625	1001020225	Nguyễn Thị Thanh	Nhài	17/07/2004	KD10G	13					
13	000626	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	13					
14	000627	1001020235	Trịnh Yến	Nhi	13/10/2004	KD10G	13					
15	000628	1001020242	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G	13					
16	000629	1001021043	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	KD10G	13					
17	000630	1001020981	Phạm Thu	Phương	06/11/2004	KD10G	13					
18	000631	1001020261	Trương Thị	Quyên	16/02/2004	KD10G	13					
19	000632	1001020272	Đào Thanh	Thảo	29/01/2004	KD10G	13					
20	000633	1001021404	Trần Thị Phương	Thảo	08/03/2004	KD10G	13					HP
21	000634	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	13					HP
22	000635	1001021065	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	KD10G	13					
23	000636	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thùy	16/10/2004	KD10G	13					
24	000637	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	13					
25	000638	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	13					HP
26	000639	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G	13					
27	000640	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G	13					
28	000641	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	KD10G	13					
29	000642	1001021084	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	KD10G	13					
30	000643	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	13					
31	000644	1001020023	Đỗ Vân	Anh	23/12/2003	KD10H	14					HP

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 21
Giảng đường: A4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000645	1001020032	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	KD10H	14					
2	000646	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	14					
3	000647	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	14					
4	000648	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	14					
5	000649	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	14					
6	000650	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	14					
7	000651	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10H	14					
8	000652	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	14					HP
9	000653	1001021521	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	KD10H	14					HP
10	000654	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	14					
11	000655	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	14					
12	000656	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	14					
13	000657	1001021533	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	KD10H	14					
14	000658	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10H	14					
15	000659	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10H	14					
16	000660	1001020143	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	KD10H	14					HP
17	000661	1001020148	Lê Khánh	Huyền	16/09/2004	KD10H	14					
18	000662	1001020990	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	KD10H	14					
19	000663	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10H	14					
20	000664	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10H	14					
21	000665	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10H	14					HP
22	000666	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10H	14					
23	000667	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10H	14					
24	000668	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10H	14					
25	000669	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	14					
26	000670	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	14					
27	000671	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	14					
28	000672	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	14					HP
29	000673	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	14					
30	000674	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	KD10H	14					
31	000675	1001020230	Lã Yến	Nhi	14/03/2004	KD10H	14					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 22
Giảng đường: B2_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000676	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	14					
2	000677	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	14					HP
3	000678	1001021045	Nguyễn Thị	Phương	20/04/2004	KD10H	14					
4	000679	1001020254	Trương Thu	Phương	25/10/2004	KD10H	14					
5	000680	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	14					HP
6	000681	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	14					
7	000682	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	14					
8	000683	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	14					
9	000684	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	14					HP
10	000685	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	14					
11	000686	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	14					
12	000687	1001020313	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/09/2004	KD10H	14					
13	000688	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	14					
14	000689	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	14					HP
15	000690	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	14					HP
16	000691	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	14					HP,ĐK
17	000692	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	14					
18	000693	0901020569	Lưu Thanh	Hằng	22/08/2003	KD9B	15					HP
19	000694	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	15					HP
20	000695	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	15					
21	000696	1001070427	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	KL10A	15					
22	000697	1001070428	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	KL10A	15					
23	000698	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	15					
24	000699	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	KL10A	15					
25	000700	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	15					
26	000701	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	15					
27	000702	1001070425	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/04/2004	QL10A	15					
28	000703	1001071401	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	QL10A	15					
29	000704	1001070433	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	QL10A	15					
30	000705	1001070436	Nguyễn Thị	Giang	19/02/2004	QL10A	15					
31	000706	1001070439	Nguyễn Công	Hiếu	23/08/2004	QL10A	15					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..
Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 23
Giảng đường: B4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000707	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	15					
2	000708	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	15					
3	000709	1001071157	Bùi Thị Như	Ngọc	03/12/2004	QL10A	15					
4	000710	1001071161	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	QL10A	15					
5	000711	1001071164	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	QL10A	15					
6	000712	1001071166	Đỗ Thị	Thuỳ	10/05/2003	QL10A	15					
7	000713	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	15					
8	000714	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	15					
9	000715	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	15					
10	000716	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	15					
11	000717	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	15					HP,ĐK
12	000718	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	15					HP,ĐK
13	000719	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	16					HP
14	000720	1001040002	Đỗ Tuấn	Anh	14/12/2004	CT10A	16					
15	000721	1001040005	Trần Tuấn	Anh	15/10/2004	CT10A	16					HP
16	000722	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	16					
17	000723	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	16					HP
18	000724	1001031637	Lê Thu	Hoài	30/12/2004	CT10A	16					
19	000725	1001040011	Phạm Thị Kim	Huệ	19/05/2004	CT10A	16					
20	000726	1001030586	Phạm Ngọc	Huyền	23/01/2004	CT10A	16					
21	000727	1001041434	Lê Ngọc	Khang	02/02/2004	CT10A	16					
22	000728	1001040013	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/08/2004	CT10A	16					
23	000729	1001041503	Chử Thị Quỳnh	Mai	11/11/2004	CT10A	16					
24	000730	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	16					
25	000731	1001040015	Trần Quốc	Thắng	22/11/2004	CT10A	16					
26	000732	1001041432	Nguyễn Thùy	Trang	15/06/2003	CT10A	16					
27	000733	1001060346	Nguyễn Thành	An	14/11/2004	KA10A	16					
28	000734	1001060347	Đỗ Thị Phương	Anh	21/08/2004	KA10A	16					
29	000735	1001061438	Lý Thị Kim	Anh	09/03/2004	KA10A	16					
30	000736	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A	16					
31	000737	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A	16					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 24
Giảng đường: B6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000738	1001060350	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/09/2004	KA10A	16					HP
2	000739	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	16					
3	000740	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	16					HP
4	000741	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A	16					
5	000742	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	16					HP
6	000743	1001060359	Đào Ngọc	Hoàn	23/12/2004	KA10A	16					HP
7	000744	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	16					
8	000745	1001060363	Vũ Mai	Hương	26/11/2004	KA10A	16					
9	000746	1001060365	Nguyễn Thanh	Huyền	02/10/2004	KA10A	16					HP
10	000747	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A	16					HP
11	000748	1001061429	Triệu Tài	Lương	23/09/2000	KA10A	16					
12	000749	1001060368	Nguyễn Thị Thanh	Minh	27/12/2004	KA10A	16					
13	000750	1001061025	Phạm Thị Phương	Nga	13/02/2004	KA10A	16					
14	000751	1001060369	Vũ Đoàn Anh	Ngọc	19/12/2004	KA10A	16					
15	000752	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	16					
16	000753	1001060372	Ngô Hồng	Thư	20/01/2004	KA10A	16					
17	000754	1001060373	Nguyễn Thủy	Tiên	24/01/2004	KA10A	16					
18	000755	1001060374	Nguyễn Trung	Tiến	18/08/2004	KA10A	16					
19	000756	1001061431	Nguyễn Đức	Trường	16/10/2003	KA10A	16					
20	000757	1001061083	Cam Thảo	Vân	16/07/2004	KA10A	16					
21	000758	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	16					HP
22	000759	1001060381	Phạm Hoàng	Yến	18/07/2004	KA10A	16					
23	000760	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	17					HP
24	000761	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	17					
25	000762	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	17					
26	000763	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	17					
27	000764	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	17					
28	000765	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	17					HP
29	000766	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	17					
30	000767	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	17					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 25
Giảng đường: B10_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000768	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	17					
2	000769	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	17					
3	000770	1001080390	Nguyễn Thị	Hảo	31/07/2004	TM10A	17					
4	000771	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	17					HP
5	000772	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	17					
6	000773	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	17					
7	000774	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	17					
8	000775	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	17					HP
9	000776	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	17					
10	000777	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	17					
11	000778	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	17					
12	000779	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	17					
13	000780	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	17					
14	000781	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	17					
15	000782	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	17					
16	000783	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	17					
17	000784	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	17					
18	000785	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	17					
19	000786	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	17					
20	000787	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	17					
21	000788	1001080409	Hoàng Tố	Nhi	12/11/2004	TM10A	17					
22	000789	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	17					
23	000790	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	17					
24	000791	1001080415	Đỗ Trường	Sơn	21/07/2004	TM10A	17					
25	000792	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	17					
26	000793	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	17					
27	000794	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	17					
28	000795	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	17					HP
29	000796	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	17					
30	000797	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	17					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ….. tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**